TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 40/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-5-2019
"V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình".

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V,
TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mỡn.**
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Văn Hảo**

Ông **Nguyễn Văn Cơ Ba.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện V, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 2 năm 2019 về ***"Tranh chấp hôn nhân gia đình"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: ông **Nguyễn Văn Th -** sinh năm: 1962; (có mặt)

- Bị đơn: bà **Du Thị Xuân L -** sinh năm: 1970; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Bào X, xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th trình bày như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: do quen biết, tự nguyện tìm hiểu ông Th và bà L đi đến hôn nhân, không có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Luông, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/02/2002.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại ấp Bào X, xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hòa Th hạnh phúc. Đến năm 2014, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, bà L không tôn trọng mắng chửi ông Th, chuyện lớn nhỏ trong gia đình bà L tự quyết định mà không hỏi ý kiến của ông Th.

Lúc ông Th bệnh bà L không quan tâm chăm sóc. Bà L quản lý hết tài sản tiền bạc trong gia đình mà không đưa tiền cho ông Th đi khám bệnh. Bà L không lo làm ăn, ruộng nương mà ham mê bài bạc. Dù được gia đình hai bên nhắc nhở hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông Th và bà L đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 đến nay.

Nay ông Th nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài và hàn gắn được. Nên ông Th yêu cầu được ly hôn với vợ là bà Du Thị Xuân L.

- Về con chung: có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thanh T – sinh ngày 01/6/1986.

+ Nguyễn Tiểu Th – sinh ngày 30/01/1997.

Hiện hai người con đã thành niên nên ông Th không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: ông Th không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: ông Th không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra ông Th không còn ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại bảng khai ý kiến và các lời khai khác trong hồ sơ vụ án bị đơn bà Du Thị Xuân L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông Th do quen biết, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, bà L và ông Th chung sống như vợ chồng từ năm 1985, ngày 31/12/2002 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Luông, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Sau khi cưới vợ chồng sống tại ấp Bào X, xã Tân An L, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2015 thì ông Th về nhà mẹ ruột sống. Theo bà L thì vợ chồng không có mâu thuẫn trầm trọng, bà L vẫn còn thương ông Th. Trong thời gian vợ chồng không sống chung thì bà L vẫn lui tới thăm nom ông Th và chăm sóc mẹ chồng lúc ốm đau. Bà L thừa nhận thời gian trước đây bà L có thường chửi ông Th, bà lấn lướt không tôn trọng ông Th trong nhiều chuyện nhưng thời gian gần đây bà L không còn chửi và lần lướt ông Th nữa. Việc ông Th trình bày bà L không đưa tiền cho ông Th đi khám bệnh là không đúng, bà L có đưa tiền nhưng đưa chậm trễ. Bà L thừa nhận có bị công an xã, công an huyện mời làm việc về hành vị đánh bài nhưng bà cho rằng bà dùng tiền của bà để đánh bài. Việc bà đánh bài thì ông Th biết và cho bà đánh bài. Bà L và ông Th đã không còn sống chung từ năm 2015 đến nay.

Nay ông Th yêu cầu ly hôn với bà L thì bà L không đồng ý do bà L còn thương chồng thương con, bà L mong muốn vợ chồng đoàn tụ để hàn gắn tình cảm. Giải pháp đoàn tụ mong muốn vợ chồng về sống chung, bà L cố gắng sống hòa Th, nhường nhịn ông Th để lo cho con.

- Về con chung: có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thanh T – sinh ngày 01/6/1986.

+ Nguyễn Tiểu Th – sinh ngày 30/01/1997.

Hiện hai người con đã thành niên nên bà L không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V có ý kiến:*

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Th. Ông Th được ly hôn với bà Du Thị Xuân L.

- Về con chung: ông Th và bà L có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thanh T – sinh ngày 01/6/1986.

+ Nguyễn Tiểu Th – sinh ngày 30/01/1997.

Hiện nay hai người con đã thành niên, nên ông Th và bà L thống nhất xác định không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về tài sản chung của vợ chồng: ông Th và bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: ông Th và bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Du Thị Xuân L không phải nộp tiền tạm ứng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ được thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên Toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Hôn nhân giữa ông Th và bà L là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ông Th và bà L có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân An Luông, huyện V, tỉnh Vĩnh Long ngày 31/12/2002. Theo lời trình bày của ông Th vợ chồng ông chung sống hòa Th, hạnh phúc đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bà L không biết chăm lo gia đình, mê cờ bạc, tiền bạc do bà L quản lý hết. Ông Th cần tiền tiêu xài và chửa bệnh thì bà L không đưa và hay

mắng chửi ông Th . Bà L và ông Th đã không còn sống chung từ tháng 01/2015 đến nay.

Bà L trình bày mâu thuẫn giữa vợ chồng anh thực tế có xảy ra, Bà L thừa nhận thời gian trước đây bà L có lấn lướt, thường hay chửi ông Th. Tiền bạc chi tiêu trong gia đình do bà L quản lý hết nhưng khi ông Th bị bệnh thì bà L không quan tâm khám chữa bệnh cho ông Th.

Xét thấy, tình cảm ông Th dành cho bà L không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc ông Th yêu cầu ly hôn với bà L là có cơ sở để chấp nhận và phù hợp với Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: ông Th và bà L có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thanh T – sinh ngày 01/6/1986.

+ Nguyễn Tiểu Th – sinh ngày 30/01/1997.

Hiện nay hai người con đã thành niên, ông Th và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung của vợ chồng: ông Th và bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung phải thu, phải trả của vợ chồng: ông Th và bà L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải nộp án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Bà Du Thị Xuân L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (có hiệu lực thi hành ngày 01/ 01/ 2015); điểm a khoản 5 Nghị quyết 326/ 2016/ UBTVQH14 ngày 30/ 12/ 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Văn Th.

- Về mối quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Văn Th được ly hôn với bà Du Thị Xuân L.

- Về con chung: ông Nguyễn Văn Th và bà Du Thị Xuân L có hai người con chung tên:

+ Nguyễn Thanh T – sinh ngày 01/6/1986.

+ Nguyễn Tiểu Th – sinh ngày 30/01/1997.

Hiện nay Nguyễn Thanh T và Nguyễn Tiểu Th đã thành niên, ông Th và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Văn Th và bà Du Thị Xuân L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

- Về nợ chung phải thu, phải trả: ông Nguyễn Văn Th và bà Du Thị Xuân L không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết, miễn xét.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Văn Th phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0009564, ngày 13/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện V. Ông Nguyễn Văn Th không phải nộp thêm.

Bà Du Thị Xuân L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp trên xem xét phúc thẩm lại./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *TA tỉnh Vĩnh Long;*
- *VKSND huyện V;*
- *THADS huyện V;*
- *UBND xã Tân An Luông;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu.*

Nguyễn Thị Kim Mỡn